cān guǎn

餐馆

noun · restaurant

Example Sentences

běi jīng yǒu hěn duō lǎo zì hào cān guǎn bǐ rú quán jù dé
北京有很多老字号餐馆，比如全聚德。

Beijing has many time-honored restaurants, such as Quanjude.

zhè ge gōng yuán de bàn jìng fàn wéi nèi yǒu hěn duō shāng diàn hé cān guǎn
这个公园的半径范围内有很多商店和餐馆。

There are many shops and restaurants within the radius of this park.

Trace each character, then write the word on your own.

餐 餐 餐 餐 餐 餐 餐 餐 餐 餐 餐

餐 餐 餐 餐 餐 餐 餐 餐

馆 馆 馆 馆 馆 馆 馆 馆 馆 馆 馆

馆 馆 馆